TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THUỶ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2019/QĐST-HNGĐ	*Thanh Thuỷ, ngày 12 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Trần Duy H**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện T, tỉnh P.

- *Bị đơn*: Chị **Phạm Thị Ánh T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/7/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Duy H và chị Phạm Thị Ánh T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh H và chị T đều xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Phạm Quỳnh A, cháu Trần Phạm Ngọc Á và cháu Trần Duy A1.

Giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Phạm Quỳnh A, sinh ngày 1x/9/2011 và cháu Trần Phạm Ngọc Á, sinh ngày 2x/6/2016 kể từ ngày 12/7/2019 cho đến khi thành niên.

Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Duy A1, sinh ngày 0x/12/2017 kể từ ngày 12/7/2019 cho đến khi thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, tài sản nợ, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh H và chị T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh H tự nguyện chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0001601 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ. Anh H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thanh Thủy
- UBND xã T, TP P,tỉnh H.
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Lương Viết Tú